

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-5-2024

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Lê Thị Hằng.
2- Ông Nguyễn Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-01-2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng Th trình bày: Bà Th và ông L kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T vào ngày 13-10-2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung, ông L không quan tâm đến gia đình, khi say xỉn có những lời lẽ không hay. Đến đầu năm 2024 bà Th không còn ở chung với ông L và gia đình bên chồng, bà Th thuê nhà trọ ở huyện B sống cùng mẹ ruột, sau đó đến xã L, huyện C ở. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, nên bà Th xin ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Vợ chồng không có con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-3-2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L và bà Th đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T vào ngày 13-10-2016. Ông L không đồng ý ly hôn với bà Th vì còn thương và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Th. Vợ chồng không có gì mâu thuẫn, không đến mức độ phải ly hôn, bà Th chỉ buồn phiền với người trong gia đình ông L. Vợ chồng không có con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Hồng Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L nhưng ông L không đồng ý, như vậy tranh chấp giữa bà Th và ông L là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà Th, ông L và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa bà Th với ông L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 13-10-2016. Thời gian đầu sau khi cưới bà Th và ông L sống chung hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, đến đầu năm 2024 bà Th thuê nhà trọ ở và không còn sống chung với ông L, từ đó đến nay vợ chồng không đoàn tụ được. Như vậy hôn nhân giữa bà Th và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được ly hôn với ông L.

[3] Về nuôi con chung: Bà Th và ông L không có con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Th đối với ông Nguyễn Văn L.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Th phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008166 ngày 05-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Nguyễn Hồng Th đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã M, huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến